

Ngày	17,000 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	9.7%	14.9%	32.4%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	12,163 - 17,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	567
Số lượng CPLH (CP)	33,339,891
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,815
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.03
EPS	843
P/E	20.2

DT thuần

Q1/24

30.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼21.9| -42.0%

YoY: ▼15.0| -33.1%

LN trước thuế

Q1/24

12.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.00| -23.9%

YoY: ▼11.8| -48.1%

LN sau thuế

Q1/24

11.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.50| -23.5%

YoY: ▼10.1| -47.1%

ROA

2023

8.0%

+/- YoY: ▼ 0.2%

DT thuần

2023

138

tỷ VNĐ

YoY: ▼11.0| -7.7%

LN trước thuế

2023

42.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼2.80| -6.1%

LN sau thuế

2023

38.2

tỷ VNĐ

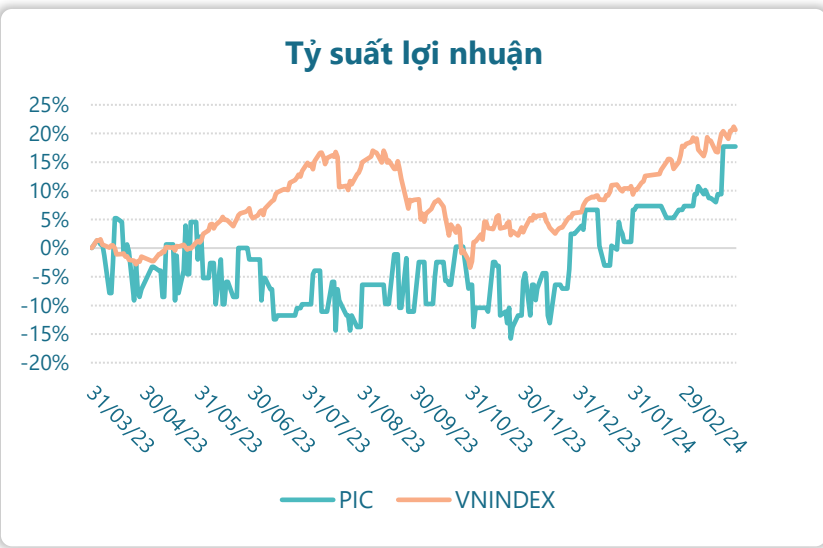
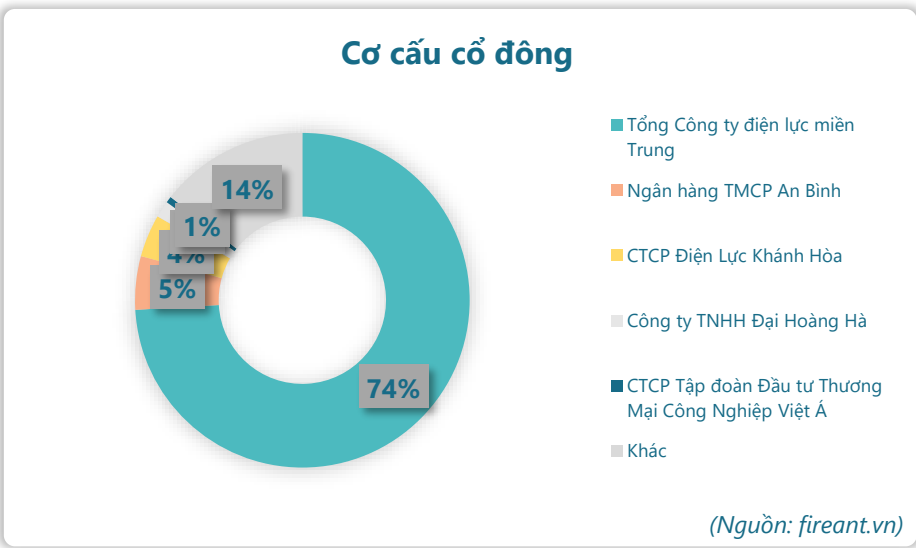
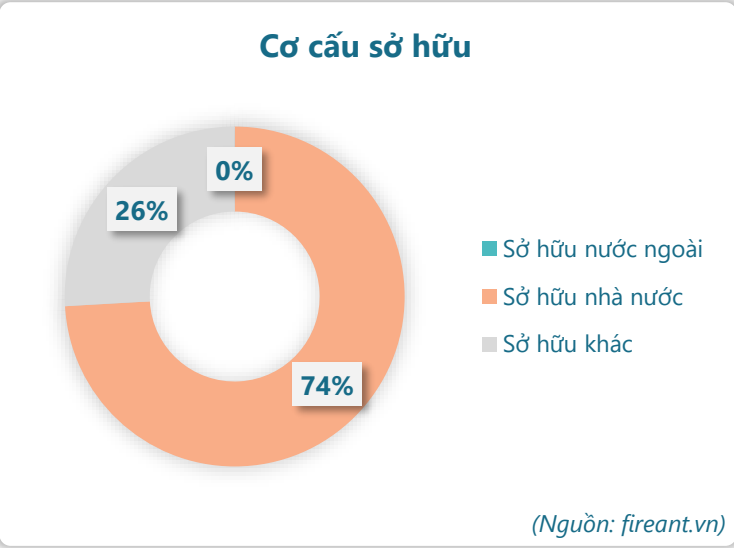
YoY: ▼4.70| -11.0%

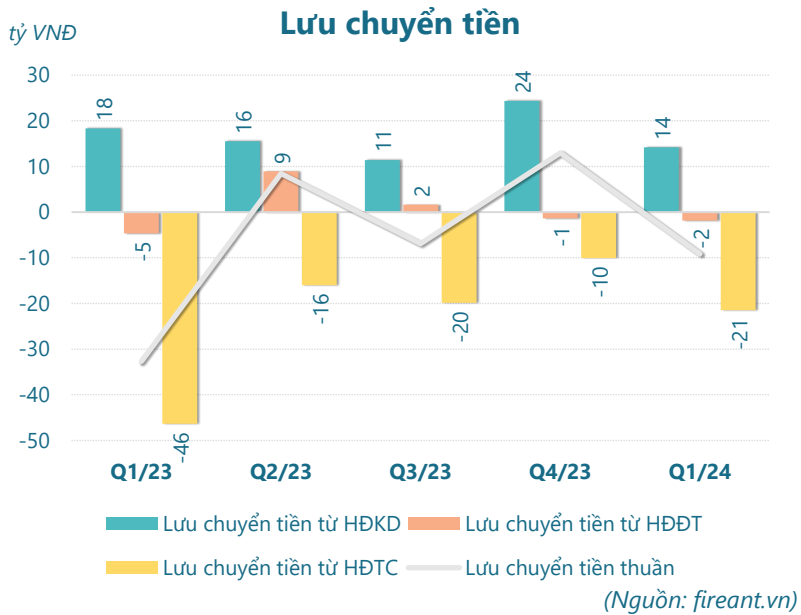
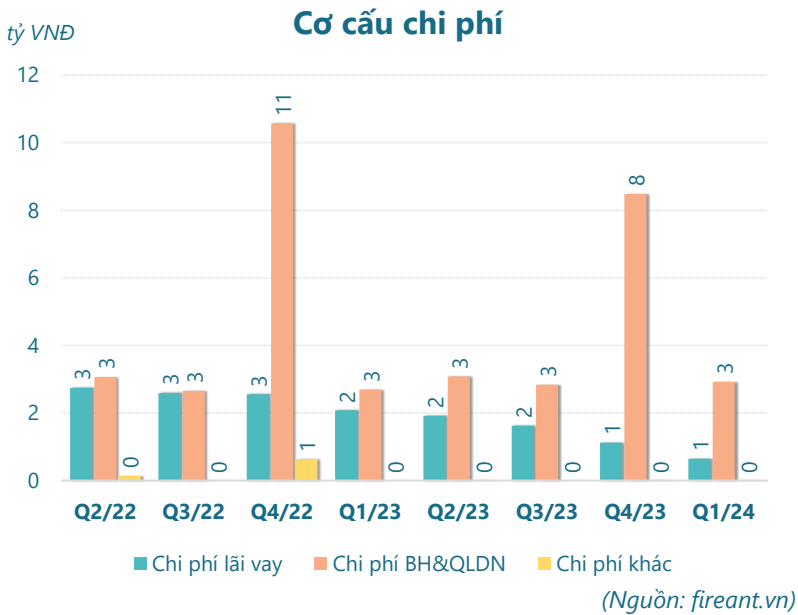
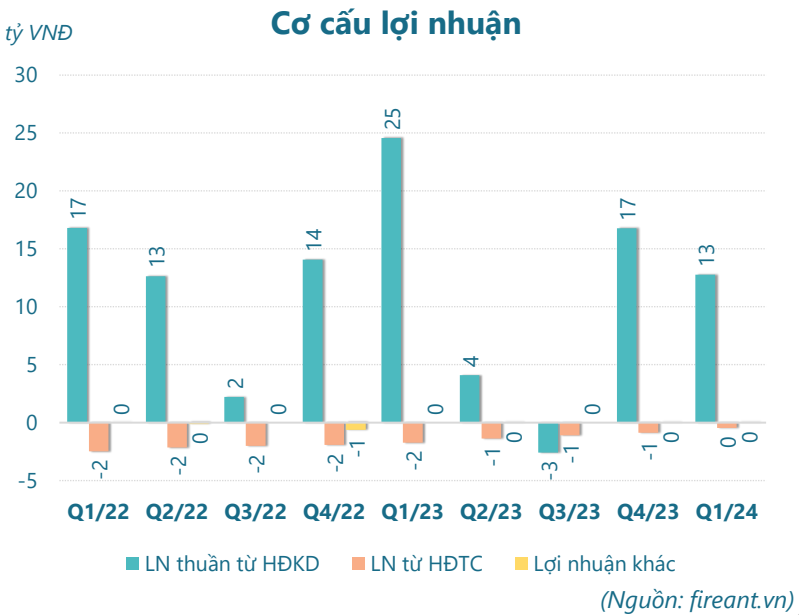
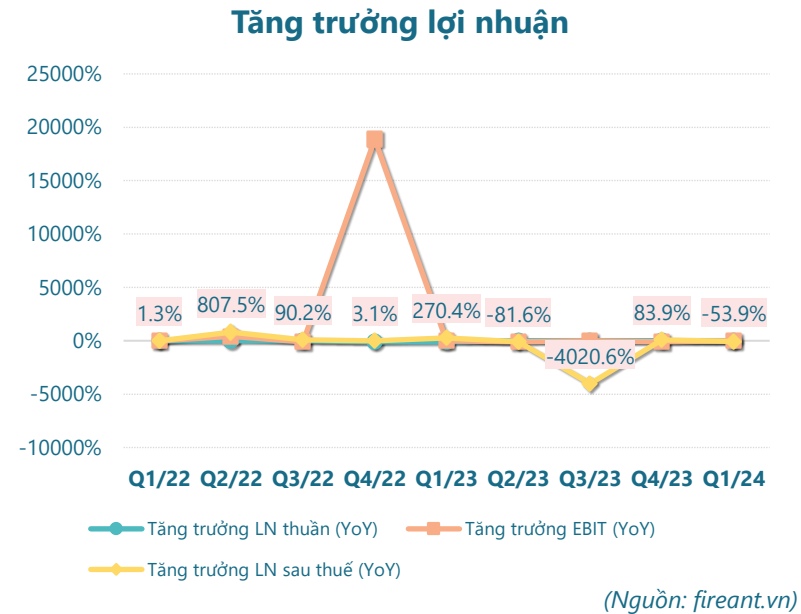
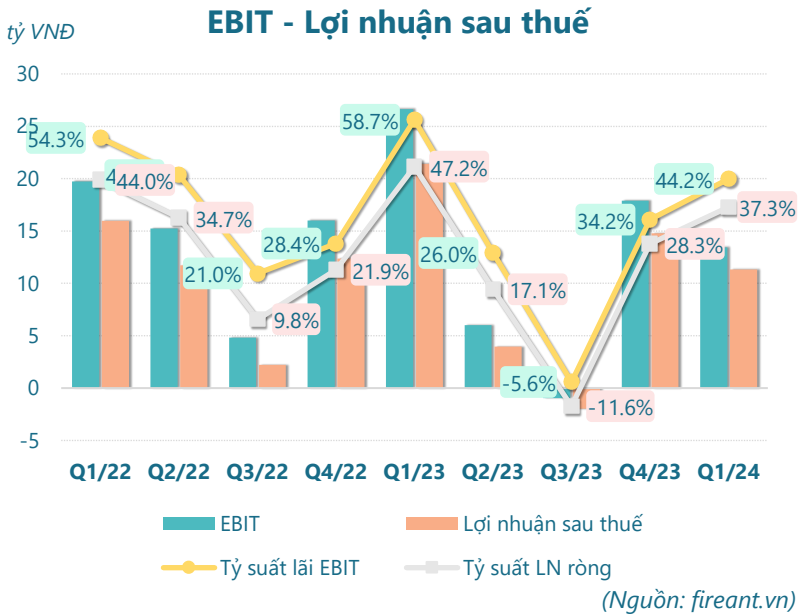
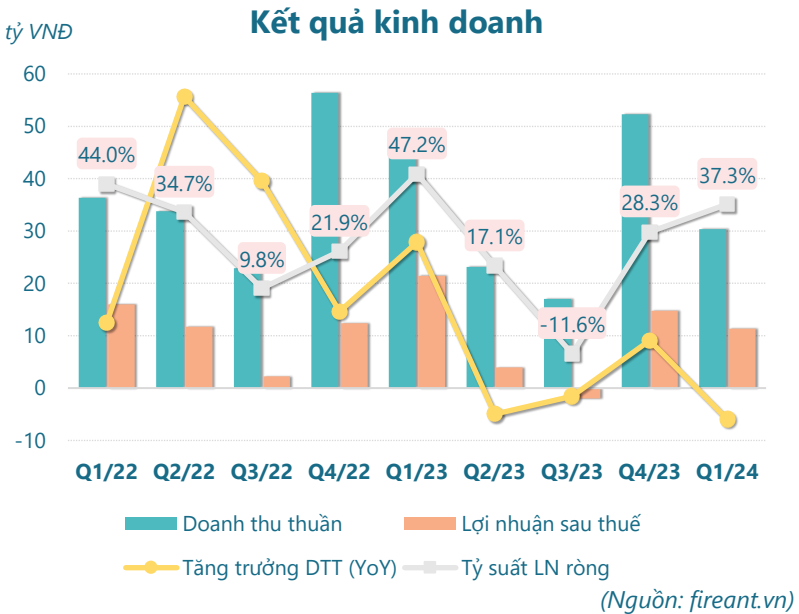
ROE

2023

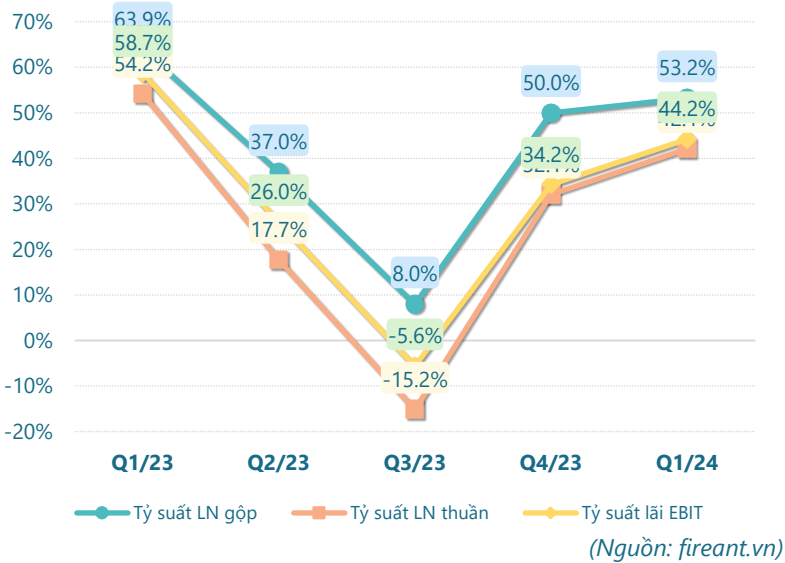
10.7%

+/- YoY: ▼ 1.2%

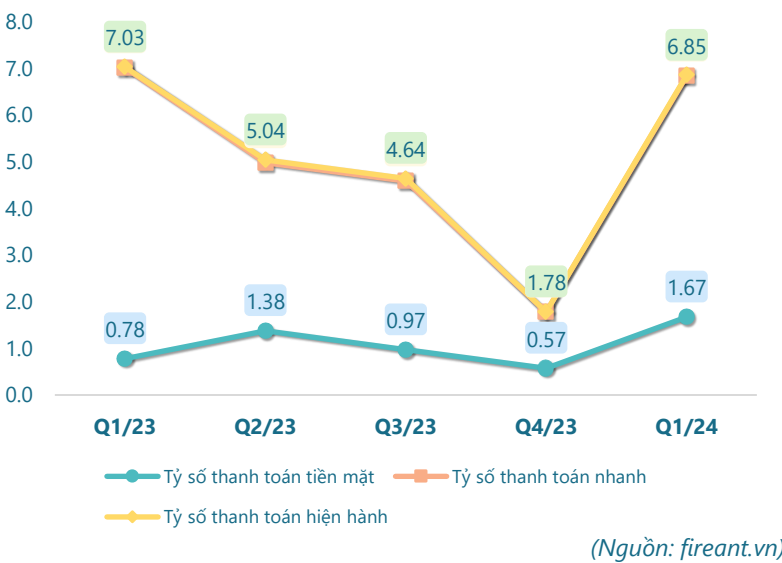




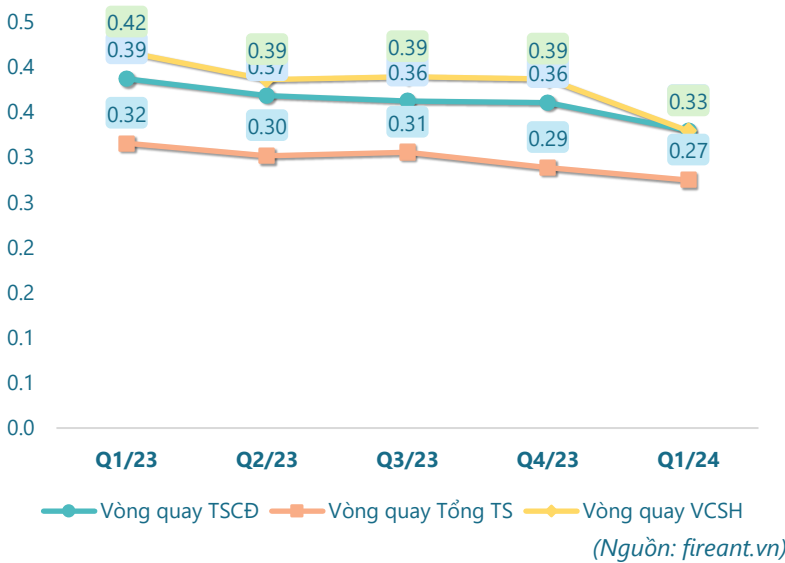
Tỷ suất lợi nhuận



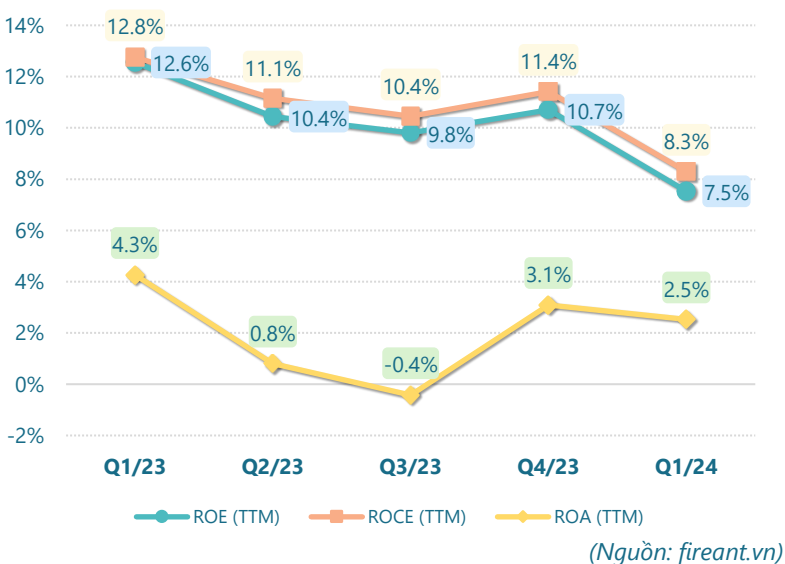
Chỉ số thanh khoản



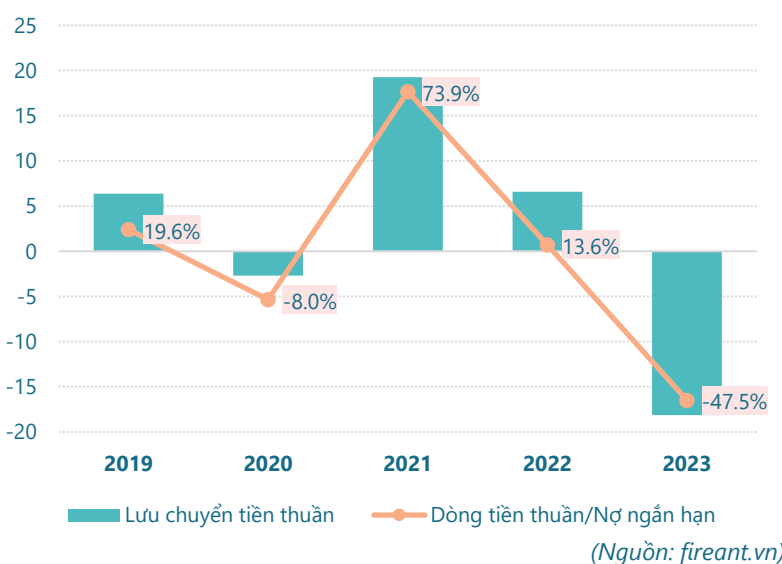
Vòng quay tài sản



Tỷ suất sinh lợi



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



Nhóm chỉ số định giá

